

Số: 2696/QĐ-UBND

Bình Định, ngày 26 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết - Đợt 13

Dự án: Xây dựng kè và giải phóng mặt bằng khu tái định cư và
khu dân cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân,
xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước

Địa điểm xây dựng: Xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 01/7/2014;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết về thực hiện Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 61/2022/TT-BTC ngày 05/10/2022 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của UBND tỉnh về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây cối, hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 21/2023/QĐ-UBND ngày 14/5/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mồ mả trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng bồi thường ngày 04/7/2024 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng Khu tái định cư Quảng Vân và Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước;

Theo đề nghị của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng Khu tái định cư Quảng Vân và Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân tại Tờ trình số 35/TTr-HĐBTGPMB ngày 04/7/2024 (kèm theo Phương án Bồi thường hỗ trợ chi tiết - Đợt 13).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết - Đợt 13 để giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Xây dựng kè và giải phóng mặt bằng khu tái định cư và khu dân cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước với các nội dung như sau:

1. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ, chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): **4.621.045.087 đồng** (Bằng chữ: Bốn tỷ, sáu trăm hai mươi một triệu, không trăm bốn mươi lăm ngàn, không trăm tám mươi bảy đồng), trong đó:

a) Giá trị bồi thường, hỗ trợ là: 4.530.436.360 đồng;

b) Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 90.608.727 đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục số 01, Phụ lục số 02 kèm theo Quyết định này)

2. Nguồn vốn chi trả: Ngân sách tỉnh.

3. Nội dung chi tiết: Theo phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết - Đợt 13 kèm theo Tờ trình số 38/TTr-HĐBTGPMB ngày 22/7/2024 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng Khu tái định cư Quảng Vân và Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước.

Điều 2. Giao Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức triển khai thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

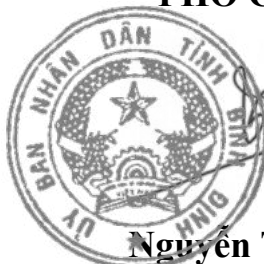
Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT; Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCTTT Ng. Tuấn Thanh;
- Lưu: VT, K10, K16.

VT

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

PHỤ LỤC 01:
BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ - ĐỢT 13
DỰ ÁN: XÂY DỰNG KÈ VÀ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG KHU TÁI ĐỊNH CƯ VÀ KHU DÂN CƯ
THUỘC KHU ĐÔ THỊ VÀ DU LỊCH SINH THÁI ĐIỂM VÂN XÃ PHƯỚC THUẬN, HUYỆN TUY PHƯỚC
ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHƯỚC THUẬN, HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Họ, tên chủ hộ	Bồi thường về nhà cửa	Bồi thường về vật kiến trúc	Bồi thường về cây trồng	Hỗ trợ đắp đất, tôn nền	Tổng cộng	Ghi chú
I	Nhóm các hộ đã phê duyệt phương án bồi thường theo Quyết định số 4926/QĐ-UBND ngày 10/11/2021 của UBND tỉnh - Đợt 3 (gồm 30 hộ):						
1	Nguyễn Văn Hòa (chết); Vợ: Lê Thị Đành	182.296.935			25.840.000	208.136.935	
2	Lê Văn Cao (chết); Vợ: Phạm Thị Trinh				13.195.500	13.195.500	
3	Phan Kim Thiện; Vợ: Huỳnh Thị Lùn	219.563.646			15.390.000	234.953.646	
4	Mai Xuân Định; Vợ: Lê Thị Mỹ Dung	391.679.299			14.060.000	405.739.299	
5	Lê Tài (chết); Vợ: Võ Thị Quai	178.658.600	29.159.450			207.818.050	
6	Lê Văn Phương; Vợ: Huỳnh Thị Chín		12.696.410			12.696.410	
7	Phan Thị Giác (chết); Con: Dương Văn Thứ; Vợ: Nguyễn Thị Thái		27.593.937		17.955.000	45.548.937	
8	Lê Văn Lãng; Vợ: Dương Thị Sáu		3.535.680		5.728.500	9.264.180	
9	Dương Văn Khoa; Vợ: Phan Thị Mạ		14.032.000		5.684.800	19.716.800	
10	Dương Ngọc Lài; Vợ: Đặng Thị Thơm Trâm		20.787.200		4.598.000	25.385.200	
11	Nguyễn Văn Xin; Vợ: Đỗ Thị Mươi	257.852.890			9.895.200	267.748.090	

TT	Họ, tên chủ hộ	Bồi thường về nhà cửa	Bồi thường về vật kiến trúc	Bồi thường về cây trồng	Hỗ trợ đắp đất, tôn nền	Tổng cộng	Ghi chú
12	Nguyễn Văn Thông; Vợ: Mai Thị Xuân Hồng (Nhận chuyển nhượng của ông Mai Xuân Tráng)				7.476.500	7.476.500	
13	Thái Văn Dũng; Vợ: Mai Thị Tâm	128.318.802	10.797.696		15.618.000	154.734.498	
14	Nguyễn Văn Tư; Vợ: Nguyễn Thị Sen		1.993.176		10.136.500	12.129.676	
15	Nguyễn Văn Bộ; Vợ: Trần Thị Đo		2.614.704		2.014.000	4.628.704	
16	Dương Anh Dũng; Vợ: Võ Thị Báu	86.611.120			5.975.500	92.586.620	
17	Mai Xuân Tứ (chết); Vợ: Phan Thị Đàng (chết); Con Mai Xuân Nhiên	101.220.680	14.722.836		19.266.000	135.209.516	
18	Trương Ngọc Thành; Vợ: Nguyễn Thị Hòa	138.611.020	1.478.808		6.526.500	146.616.328	
19	Phan Thị Giác (chết); Con: Dương Văn Thừa; Vợ: Văn Thị Mỹ Châu		2.195.960		3.676.500	5.872.460	
20	Phan Thị Giác (chết); Con: Dương Văn Thái; Vợ: Võ Thị Tám		5.437.510		3.534.000	8.971.510	
21	Nguyễn Văn Nghĩa; Vợ: Nguyễn Thị Hoa		2.062.830		3.211.000	5.273.830	
22	Mai Xuân Sang; Vợ: Võ Thị Thùy Trang				11.495.000	11.495.000	
23	Huỳnh Quang Trung; Vợ: Phan Thị Thiều				4.453.125	4.453.125	
24	Lê Văn Trương; Vợ: Nguyễn Thị Mạnh				12.160.000	12.160.000	
25	Nguyễn Văn Mười; Vợ: Phan Thị Phụng				2.375.000	2.375.000	
26	Phan Văn Thương; Vợ: Văn Thị Mười	92.906.517	3.257.534			96.164.051	
27	Nguyễn Văn Tùng; Vợ: Phan Thị Diệu	138.286.258				138.286.258	
28	Phạm Hiến; Vợ: Trần Thị Kim Thanh	99.225.303	5.897.551			105.122.854	

TT	Họ, tên chủ hộ	Bồi thường về nhà cửa	Bồi thường về vật kiến trúc	Bồi thường về cây trồng	Hỗ trợ đắp đất, tôn nền	Tổng cộng	Ghi chú
29	Mai Xuân Hùng; Vợ: Nguyễn Thị Nhung		5.623.800		16.520.500	22.144.300	
30	Lê Ngọc Hải (chết); Vợ: Phan Thị Ánh		11.573.280		76.399.000	87.972.280	
II	Nhóm các hộ đã phê duyệt phương án bồi thường theo Quyết định số 3933/QĐ-UBND ngày 25/11/2022 của UBND tỉnh - Đợt 4 (gồm 23 hộ):						
31	Mai Văn Y; Em: Mai Thị Thiên Nga				11.675.500	11.675.500	
32	Trịnh Khánh Lành; vợ: Phan Thị Phước		9.715.991	1.386.000		11.101.991	
33	Trần Văn Đợi; Vợ: Nguyễn Thị Tho	575.445.266	28.773.500			604.218.766	
34	Lê Văn Thơm (chết); Vợ: Trần Thị Luyện		9.757.963		9.956.000	19.713.963	
35	Nguyễn Tấn Dân; Vợ: Nguyễn Thị Liên		14.484.936			14.484.936	
36	Ngô Văn Lòng; Vợ: Nguyễn Thị Thanh		29.362.932			29.362.932	
37	Nguyễn Văn Chánh; Vợ: Trần Thị Châu		4.585.406		6.868.500	11.453.906	
38	Trần Văn Sĩ; Vợ: Nguyễn Thị Gái		5.023.928			5.023.928	
39	Trần Thị Hoa; chồng: Trần Việt Phương		3.867.032			3.867.032	
40	Huỳnh Đình Hương		14.770.812		2.180.250	16.951.062	
41	Huỳnh Văn Cu; Vợ: Huỳnh Thị Thu		12.490.192		1.011.750	13.501.942	
42	Nguyễn Văn Lành; Vợ: Mai Thị Đình				11.761.000	11.761.000	
43	Mai Thị Chín (chết); con: Tạ Văn Chương; Vợ: Huỳnh Thị Lạc				8.018.000	8.018.000	
44	Lê Ngọc Bình; Vợ: Lê Thị Định		26.492.620			26.492.620	

TT	Họ, tên chủ hộ	Bồi thường về nhà cửa	Bồi thường về vật kiến trúc	Bồi thường về cây trồng	Hỗ trợ đắp đất, tôn nền	Tổng cộng	Ghi chú
45	Lê Ngọc Hùng; Vợ: Nguyễn Thị Chín	172.570.621				172.570.621	
46	Phan Văn Sáu; Vợ: Nguyễn Thị Ngọc Hoa	182.353.188	1.684.400			184.037.588	
47	Lê Đình Sao; Vợ: Dương Thị Vui		3.141.294		6.198.750	9.340.044	
48	Nguyễn Văn Rin (chết); Vợ: Trần Thị Minh (chết); con: Nguyễn Văn Rễ (kê khai)				1.653.000	1.653.000	
49	Phan Văn Đuọc; Vợ: Lê Thị Bích Loan				1.125.750	1.125.750	
50	Trần Văn Lắm; Vợ: Nguyễn Thị Hồng Thu	124.007.970	14.122.446			138.130.416	
51	Phan Văn Thát; vợ: Mai Thị Bình				16.254.500	16.254.500	
52	Trần Văn Hảo; Vợ: Huỳnh Thị Mỹ Chi		8.087.560			8.087.560	
53	Phan Văn Bình (nhận chuyển nhượng của Lê Văn Sáu)				28.006.000	28.006.000	
III	Nhóm các hộ đã phê duyệt phương án bồi thường theo Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 03/3/2023 của UBND tỉnh - Đợt 7 (gồm 01 hộ):						
54	Phan Văn Đò; Vợ: Nguyễn Thị Loan		3.615.300			3.615.300	
IV	Nhóm các hộ đã phê duyệt phương án bồi thường theo Quyết định số 1208/QĐ-UBND ngày 17/4/2023 của UBND tỉnh - Đợt 7 (gồm 03 hộ):						
55	Mai Xuân Định				22.878.375	22.878.375	
56	Lê Văn Hùng (chết); Vợ: Võ Thị Sanh		2.392.793			2.392.793	
57	Trần Quang; Vợ: Đoàn Thị Sương	230.765.909	1.671.072			232.436.981	

TT	Họ, tên chủ hộ	Bồi thường về nhà cửa	Bồi thường về vật kiến trúc	Bồi thường về cây trồng	Hỗ trợ đắp đất, tôn nền	Tổng cộng	Ghi chú
V	Nhóm các hộ đã phê duyệt phương án bồi thường theo Quyết định số 2478/QĐ-UBND ngày 07/7/2023 của UBND tỉnh - Đợt 8 (gồm 02 hộ):						
58	Trần Văn Phùng (chết); Vợ: Võ Thị Hoa	15.239.635				15.239.635	
59	Trần Văn Nam; Vợ: Lê Thị Bang	59.271.444				59.271.444	
VI	Nhóm các hộ đã phê duyệt phương án bồi thường theo QĐ số 3235/QĐ-UBND ngày 30/8/2023 của UBND tỉnh - Đợt 9 (gồm 03 hộ):						
60	Lê Văn Mười; Vợ: Trần Thị Thái		1.298.830			1.298.830	
61	Võ Văn Thành; Vợ: Lê Thị Diễm		1.170.286			1.170.286	
62	Lê Văn Trung; Vợ: Phan Thị Thành	154.936.030				154.936.030	
VII	Nhóm các hộ đã phê duyệt phương án bồi thường theo Quyết định số 2466/QĐ-UBND ngày 09/7/2024 của UBND tỉnh - Đợt 12 (gồm 01 hộ):						
63	Trần Thị Hoa - Trần Việt Phương (cho con: Trần Việt Tùng sử dụng và kê khai) và hộ Trần Đình Danh (cho con Trần Văn Định sử dụng và kê khai)	178.648.840	7.839.234			186.488.074	
TỔNG CỘNG		3.708.469.972	379.808.888	1.386.000	440.771.500	4.530.436.360	
A	TỔNG GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ:					4.530.436.360	
B	CHI PHÍ GPMB (2% A):					90.608.727	
C	TỔNG CỘNG (A+B):					4.621.045.087	

PHỤ LỤC 02:
DANH SÁCH CHI TRẢ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHI TIẾT - ĐỢT 13
DỰ ÁN: XÂY DỰNG KÈ VÀ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG
KHU TÁI ĐỊNH CƯ VÀ KHU DÂN CƯ
THUỘC KHU ĐÔ THỊ VÀ DU LỊCH SINH THÁI DIÊM VÂN
XÃ PHƯỚC THUẬN, HUYỆN TUY PHƯỚC
ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHƯỚC THUẬN, HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	HỌ, TÊN CHỦ HỘ	ĐỊA CHỈ	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
I	Nhóm các hộ đã phê duyệt phương án bồi thường theo Quyết định số 4926/QĐ-UBND ngày 10/11/2021 của UBND tỉnh - Đợt 3 (gồm 30 hộ):			
1	Nguyễn Văn Hòa (chết); Vợ: Lê Thị Đành	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	208.136.935	
2	Lê Văn Cao (chết); Vợ: Phạm Thị Trinh	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	13.195.500	
3	Phan Kim Thiện; Vợ: Huỳnh Thị Lùn	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	234.953.646	
4	Mai Xuân Định; Vợ: Lê Thị Mỹ Dung	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	405.739.299	
5	Lê Tài (chết); Vợ: Võ Thị Quai	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	207.818.050	
6	Lê Văn Phương; Vợ: Huỳnh Thị Chín	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	12.696.410	
7	Phan Thị Giác (chết); Con: Dương Văn Thứ; Vợ: Nguyễn Thị Thái	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	45.548.937	
8	Lê Văn Lắng; Vợ: Dương Thị Sáu	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	9.264.180	
9	Dương Văn Khoa; Vợ: Phan Thị Mạ	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	19.716.800	
10	Dương Ngọc Lài; Vợ: Đặng Thị Thơm Trâm	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	25.385.200	
11	Nguyễn Văn Xin; Vợ: Đỗ Thị Mười	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	267.748.090	
12	Nguyễn Văn Thông; Vợ: Mai Thị Xuân Hồng (Nhận chuyển nhượng của ông Mai Xuân Tráng)	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	7.476.500	
13	Thái Văn Dũng; Vợ: Mai Thị Tâm	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	154.734.498	
14	Nguyễn Văn Tư; Vợ: Nguyễn Thị Sen	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	12.129.676	
15	Nguyễn Văn Bộ; Vợ: Trần Thị Đỏ	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	4.628.704	
16	Dương Anh Dũng; Vợ: Võ Thị Báu	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	92.586.620	
17	Mai Xuân Tứ (chết); Vợ: Phan Thị Đàng (chết); Con Mai Xuân Nhiên	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	135.209.516	

TT	HỌ, TÊN CHỦ HỘ	ĐỊA CHỈ	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
18	Trương Ngọc Thành; Vợ: Nguyễn Thị Hòa	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	146.616.328	
19	Phan Thị Giác (chết); Con: Dương Văn Thừa; Vợ: Văn Thị Mỹ Châu	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	5.872.460	
20	Phan Thị Giác (chết); Con: Dương Văn Thái; Vợ: Võ Thị Tám	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	8.971.510	
21	Nguyễn Văn Nghĩa; Vợ: Nguyễn Thị Hoa	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	5.273.830	
22	Mai Xuân Sang; Vợ: Võ Thị Thùy Trang	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	11.495.000	
23	Huỳnh Quang Trung; Vợ: Phan Thị Thiều	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	4.453.125	
24	Lê Văn Trương; Vợ: Nguyễn Thị Mạnh	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	12.160.000	
25	Nguyễn Văn Mười; Vợ: Phan Thị Phụng	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	2.375.000	
26	Phan Văn Thương; Vợ: Văn Thị Mười	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	96.164.051	
27	Nguyễn Văn Tùng; Vợ: Phan Thị Diệu	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	138.286.258	
28	Phạm Hiến; Vợ: Trần Thị Kim Thanh	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	105.122.854	
29	Mai Xuân Hùng; Vợ: Nguyễn Thị Nhung	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	22.144.300	
30	Lê Ngọc Hải (chết); Vợ: Phan Thị Ánh	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	87.972.280	
II	Nhóm các hộ đã phê duyệt phương án bồi thường theo Quyết định số 3933/QĐ-UBND ngày 25/11/2022 của UBND tỉnh - Đợt 4 (gồm 23 hộ):			-
31	Mai Văn Y; Em: Mai Thị Thiên Nga	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	11.675.500	
32	Trịnh Khánh Lành; vợ: Phan Thị Phước	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	11.101.991	
33	Trần Văn Đợi; Vợ: Nguyễn Thị Tho	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	604.218.766	
34	Lê Văn Thơm (chết); Vợ: Trần Thị Luyện	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	19.713.963	
35	Nguyễn Tấn Dân; Vợ: Nguyễn Thị Liên	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	14.484.936	
36	Ngô Văn Lòng; Vợ: Nguyễn Thị Thanh	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	29.362.932	
37	Nguyễn Văn Chánh; Vợ: Trần Thị Châu	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	11.453.906	
38	Trần Văn Sĩ; Vợ: Nguyễn Thị Gái	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	5.023.928	
39	Trần Thị Hoa; chồng: Trần Việt Phương	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	3.867.032	

TT	HỌ, TÊN CHỦ HỘ	ĐỊA CHỈ	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
40	Huỳnh Đình Hương	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	16.951.062	
41	Huỳnh Văn Cu; Vợ: Huỳnh Thị Thu	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	13.501.942	
42	Nguyễn Văn Lanh; Vợ: Mai Thị Đình	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	11.761.000	
43	Mai Thị Chín (chết); con: Tạ Văn Chương; Vợ: Huỳnh Thị Lạc	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	8.018.000	
44	Lê Ngọc Bình; Vợ: Lê Thị Đình	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	26.492.620	
45	Lê Ngọc Hùng; Vợ: Nguyễn Thị Chín	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	172.570.621	
46	Phan Văn Sáu; Vợ: Nguyễn Thị Ngọc Hoa	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	184.037.588	
47	Lê Đình Sao; Vợ: Dương Thị Vui	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	9.340.044	
48	Nguyễn Văn Rin (chết); Vợ: Trần Thị Minh (chết); con: Nguyễn Văn Rễ (kê khai)	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	1.653.000	
49	Phan Văn Đước; Vợ: Lê Thị Bích Loan	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	1.125.750	
50	Trần Văn Lắm; Vợ: Nguyễn Thị Hồng Thu	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	138.130.416	
51	Phan Văn Thát; vợ: Mai Thị Bình	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	16.254.500	
52	Trần Văn Hảo; Vợ: Huỳnh Thị Mỹ Chi	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	8.087.560	
53	Phan Văn Bình (nhận chuyển nhượng của Lê Văn Sáu)	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	28.006.000	
III	Nhóm các hộ đã phê duyệt phương án bồi thường theo Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 03/3/2023 của UBND tỉnh - Đợt 7 (gồm 01 hộ):		-	
54	Phan Văn Đò; Vợ: Nguyễn Thị Loan	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	3.615.300	
IV	Nhóm các hộ đã phê duyệt phương án bồi thường theo Quyết định số 1208/QĐ-UBND ngày 17/4/2023 của UBND tỉnh - Đợt 7 (gồm 03 hộ):		-	
55	Mai Xuân Định	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	22.878.375	
56	Lê Văn Hùng (chết); Vợ: Võ Thị Sanh	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	2.392.793	
57	Trần Quang; Vợ: Đoàn Thị Sương	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	232.436.981	
V	Nhóm các hộ đã phê duyệt phương án bồi thường theo Quyết định số 2478/QĐ-UBND ngày 07/7/2023 của UBND tỉnh - Đợt 8 (gồm 02 hộ):		-	

TT	HỌ, TÊN CHỦ HỘ	ĐỊA CHỈ	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
58	Trần Văn Phùng (chết); Vợ: Võ Thị Hoa	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	15.239.635	
59	Trần Văn Nam; Vợ: Lê Thị Bang	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	59.271.444	
VI	Nhóm các hộ đã phê duyệt phương án bồi thường theo Quyết định số 3235/QĐ-UBND ngày 30/8/2023 của UBND tỉnh - Đợt 9 (gồm 03 hộ):			-
60	Lê Văn Mười; Vợ: Trần Thị Thái	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	1.298.830	
61	Võ Văn Thành; Vợ: Lê Thị Diễm	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	1.170.286	
62	Lê Văn Trung; Vợ: Phan Thị Thành	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	154.936.030	
VII	Nhóm các hộ đã phê duyệt phương án bồi thường theo Quyết định số 2466/QĐ-UBND ngày 09/7/2024 của UBND tỉnh - Đợt 12 (gồm 01 hộ):			-
63	Trần Thị Hoa - Trần Việt Phương (cho con: Trần Việt Tùng sử dụng và kê khai) và hộ Trần Đình Danh (cho con Trần Văn Định sử dụng và kê khai)	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	186.488.074	
TỔNG CỘNG			4.530.436.360	